## Bảng tóm tắt tính toán giá trị thu được EVM - Earned Value Management

## PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ THU ĐƯỢC

<u>Viết tắt</u>	<u>Tên</u>	<u>Định</u> nghĩa	<u>Cách sử</u> <u>dụng</u>	<u>Công</u> <u>thức</u>	Giải thích kết quả
PV Plan value	Giá trị kế hoạch	Ngân sách được cấp cho công việc theo kế hoạch	Giá trị của công việc kế hoạch được hoàn thành tới một thời điểm, thường là ngày dữ liệu, hoặc hoàn thành dự án.		
EV Earn value	Giá trị thu được	Phần công việc thực hiện được đo lường bằng ngân sách đã bỏ ra cho công việc đó.	Giá trị kế hoặc của tất cả công việc được hoàn thành (thu được) tại một thời điểm, thường là ngày dữ liệu, không nhắc đến chi phí thực tế	EV = tổng giá trị kế hoạch của công việc đã hoàn thành	

AC Actual cost	Chi phí thực tế	Chi phí phát sinh khi thực hiện công việc của một hoạt động trong một khoảng thời gian cụ thể.	Chi phí thực tế của tất cả công việc được hoàn thành tới một thời điểm, thường là ngày dữ liệu	
BAC Budget at completion	Ngân sách khi hoàn thành	Tổng của tất cả ngân sách được thiết lập để thực hiện công việc.	Giá trị của tổng công việc kế hoạch, chi phí cơ sở dự án	
DAC	Duration at completion	Số thời gian planning ban đầu để hoàn thành dự án		

CV Cost variance	Chênh lệch chi phí	Số tiền ngân sách thâm hụt hoặc thặng dư tại một thời điểm nhất định, thể hiện bằng chênh lệch giữa giá trị thu được và chi phí thực tế.	Chênh lệch giữa giá trị công việc hoàn thành tới một thời điểm, thường là ngày dữ liệu, và chi phí thực tế tới thời điểm đó.	CV = EV - AC	Dương = Dưới chi phí  Trung bình = Đúng chi phí kế hoạch Âm = Vượt chi phí kế hoạch
SV Schedule variance	Chênh lệch tiến độ	Thời gian mà dự án sớm hoặc trễ hơn ngày chuyển giao kế hoạch, tại một điểm thời gian, biểu diễn bằng chênh lệch giữa giá trị thu được và giá trị dự kiến.	Chênh lệch giữa công việc hoàn thành tới một thời điểm, thường là ngày dữ liệu, và công việc kế hoạch cần hoàn thành tới thời điểm đó.	SV = EV - PV	Dương = Sớm tiến độ = 0 - Đúng tiến độ Âm = Trễ tiến độ

VAC  Variance at completion	Chênh lệch khi hoàn thành	Dự báo số tiền thâm hụt ngân sách hoặc thặng dư, thể hiện như sự khác biệt giữa ngân sách khi hoàn thành và ước tính khi hoàn thành.	Chi phí chênh lệch ước lượng tại lúc hoàn thành dự án	VAC = BAC - EAC	Dương = Dưới chi phí  Trung bình = Đúng chi phí kế hoạch Âm = Vượt chi phí kế hoạch
CPI Cost performance index	Chỉ số hiệu suất chi phí	Một thước đo hiệu quả chi phí của nguồn ngân sách được thể hiện bằng tỷ số giữa giá trị thu được với chi phí thực tế.	CPI là 1.0 có nghĩa là dự án đang theo đúng ngân sách, công việc được thực hiện cho tới hiện tại đúng ngân sách. Các giá trị khác thể hiện tỷ lệ chi phí vượt quá hoặc dưới khoản ngân sách cho công việc kế hoạch	CPI = EV/AC	Lớn hơn 1.0 = Dưới chi phí  Bằng 1.0 = Đúng chi phí kế hoạch  Nhỏ hơn 1.0 = Vượt chi phí kế hoạchí<

SPI Schedule performance index	Chỉ số hiệu suất tiến độ	Một thước đo hiệu quả tiến độ thể hiện bằng tỷ số giữa giá trị thu được và giá trị kế hoạch.	SPI là 1.0 có nghĩa là dự án đang theo đúng tiến độ, công việc được thực hiện cho tới hiện tại đúng theo kế hoạch. Các giá trị khác thể hiện tỷ lệ chi phí vượt quá hoặc dưới khoản ngân sách cho công việc kế hoạch	SPI = EV/PV	Lớn hơn 1.0 = Sớm hơn tiến độ Bằng 1.0 = Đúng tiến độ Nhỏ hơn 1.0 = Trễ tiến độ
EAC Estimate to complete	Uớc lượng chi phí thực tế khi hoàn thành	Tổng chi phí dự kiến để hoàn thành toàn bộ các công việc được thể hiện bằng tổng các chi phí thực tế tính đến thời điểm hiện tại và và ước tính đến khi hoàn thành.	Nếu CPI là không đổi trong thời gian còn lại của dự án, EAC được tính bằng (1):	(1) EAC = BAC/CPI	

EDAC  Estimate duration to complete	Uớc lượng tổng thời gian thực tế để hoàn thành			EDAC = DAC/SPI	
ETC Estimate to complete	Uớc lượng tới khi hoàn thành	Chi phí dự tính để hoàn thành các công việc còn lại của dự án.	Giả sử công việc đang theo kế hoạch, chi phí để hoàn thành công việc còn lại được tính bằng:  Uốc lượng lại công việc còn lại từ dưới lên.	ETC = EAC - AC  ETC = Reestimate	